



THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tổng thu cân đối NSNN thực hiện tháng 8/2016 ước đạt 69,49 nghìn tỷ đồng, bằng 70,6% (giảm 28,9 nghìn tỷ đồng) so với tháng 7; Lũy kế thu 8 tháng đạt 649,46 nghìn tỷ đồng, bằng 64% dự toán năm, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, thu nội địa tháng 8 ước đạt 53,9 nghìn tỷ đồng, giảm khoảng 28,7 nghìn tỷ đồng (- 34,8%) so với tháng trước, lũy kế thu 8 tháng ước đạt 523,1 nghìn tỷ đồng, bằng 66,6% dự toán năm, tăng 12,7% so cùng kỳ năm 2015; Thu từ đầu thô tháng 8 ước đạt 3,75 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 360 tỷ đồng (+ 10,6%) so với tháng trước, lũy kế thu 8 tháng ước đạt 27 nghìn tỷ đồng, bằng 49,7% dự toán năm, giảm 43,2% so cùng kỳ năm 2015; Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu tháng 8 ước đạt 21,5 nghìn tỷ đồng, giảm 1,16 nghìn tỷ đồng (-5,1%) so với tháng trước, lũy kế thu 8 tháng ước đạt 173 nghìn tỷ đồng, bằng 64,1% dự toán, tăng 3,3% so cùng kỳ năm 2015.

Tổng chi NSNN thực hiện tháng 8/2016 ước đạt 108,6 nghìn tỷ đồng, lũy kế chi 8 tháng đạt 770,7 nghìn tỷ đồng, bằng 60,5% dự toán năm, tăng 5,6% so cùng kỳ năm 2015. Trong đó, chi đầu tư phát triển thực hiện 8 tháng đạt 120,85 nghìn tỷ đồng, bằng 47,4% dự toán năm, tăng 9,6% cùng kỳ năm 2015; Chi trả nợ và viện trợ ước thực hiện chi 8 tháng đạt 104,2 nghìn tỷ đồng, bằng 67,2% dự toán năm, tăng 2,6% so cùng kỳ năm 2015; Chi phát triển các sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính thực hiện 8 tháng đạt 540,5 nghìn tỷ đồng, bằng 65,6% dự toán năm, tăng 4,4% so cùng kỳ năm 2015.

Tính đến hết ngày 31/08/2016, KBNN huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu chính phủ đạt 239.284,5 tỷ đồng, bằng 95,7% kế hoạch năm. Trong tháng 8/2016, KBNN huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu chính phủ đạt 32.406,2 tỷ đồng vốn cho NSNN và cho đầu tư phát triển.

Nguồn: Bộ Tài chính

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

BẢNG 1: GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI HSX THÁNG 8/2016

	Tuần từ 1/8 – 5/8	Tuần từ 8/8 – 12/8	Tuần từ 15/8 – 19/8	Tuần từ 22/8 – 26/8	Tuần từ 29/8 – 31/8
VN-Index (điểm)	648,4 – 627,4	629,5 – 655,7	659,5 – 662,3	657,7 – 667,8	669,4 – 674,6
KLGD (cổ phiếu)	601.760.830	575.683.993	643.579.575	561.814.689	327.172.803
GTGD (tỷ VND)	11.228,81	11.131,29	14.339,48	11.919,52	8.049,68

Nguồn: HSX

BẢNG 2: GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI HNX THÁNG 8/2016

	Tuần từ 1/8 – 5/8	Tuần từ 8/8 – 12/8	Tuần từ 15/8 – 19/8	Tuần từ 22/8 – 26/8	Tuần từ 29/8 – 31/8
HNX-Index (điểm)	83,21 – 81,07	80,99 – 83,13	83,17 – 83,10	82,68 – 83,93	83,21 – 84,38
KLGD (cổ phiếu)	201.495.557	201.278.426	195.025.368	161.451.498	130.737.521
GTGD (tỷ VND)	2.222,04	2.561,31	2.478,54	2.047,47	1.676,14

Nguồn: HNX

BẢNG 3: GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI UPCOM THÁNG 8/2016

	Tuần từ 1/8 – 5/8	Tuần từ 8/8 – 12/8	Tuần từ 15/8 – 19/8	Tuần từ 22/8 – 26/8	Tuần từ 29/8 – 31/8
UPCoM-Index (điểm)	56,22 – 54,34	54,18 – 55,74	55,51 – 55,60	55,15 – 55,58	55,39 – 56,32
KLGD (cổ phiếu)	15.328.617	20.047.285	46.858.826	24.863.178	19.975.646
GTGD (tỷ VND)	232,46	298,34	720,57	397,41	296,89

Nguồn: HNX

Tháng 8/2016, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã tăng mạnh cả về điểm số và giao dịch. Cụ thể, chỉ số VN-Index chốt phiên giao dịch ngày 31/8 dừng ở mức 674,6 điểm, tăng 22,3 điểm (tăng tương đương 3,4% so với tháng trước). Chỉ số HNX-Index kết thúc phiên giao dịch ngày 31/8 dừng ở mức 84,38 điểm (tăng tương đương 0,8% so với tháng trước). Trong khi đó, chỉ số UpCom-Index dừng lại ở mức 56,32 điểm (giảm tương đương 0,38% so với tháng trước).



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

BẢNG 4: TTCK THẾ GIỚI THÁNG 8/2016

Thị trường	Chỉ số	Ngày 1/8/2016 (điểm)	Ngày 31/8/2016 (điểm)	Tăng/Giảm (%)
Mỹ	Dow Jones	18.404,51	18.400,88	-0,02
	S&P 500	2.170,84	2.170,95	+0,05
	Nasdaq	5.184,20	5.213,22	+0,56
Anh	FTSE 100	6.648,5	6.786,00	+2,03
Pháp	CAC 40	4.409,17	4.438,22	+0,65
Đức	DAX	10.330,52	10.592,69	+2,48
Nhật Bản	Nikkei 225	16.635,77	16.887,40	+1,49
Hồng Kông	Hang Seng	22.129,14	22.976,88	+3,69
Trung Quốc	Shanghai Composite	2.971,28	3.063,31	+3,00
Đài Loan	Taiwan Weighted	9.080,71	9.068,85	-0,13
Hàn Quốc	Kospi Composite	2.029,61	2.034,65	+0,25
Singapore	Straits Times	2.892,52	2.820,59	-2,55

Nguồn: Bloomberg

Trong tháng 8/2016, TTCK thế giới diễn biến tăng, giảm không đồng đều trên ba châu lục. Cụ thể, tại TTCK Mỹ ngoại trừ chỉ số Dow Jones giảm nhẹ (-0,02%) các chỉ số S&P 500 và Nasdaq có mức tăng lần lượt + 0,05% và +0,56%, tương ứng với 2.170,95 điểm và 5.213,22 điểm. Tại TTCK châu Âu, chỉ số CAC 40 của Pháp và DAX của Đức có mức tăng điểm lần lượt + 0,65% và + 2,48%. Trong khi đó, tại TTCK châu Á, ngoại trừ 2 chỉ số Taiwan Weighted (Đài Loan) và Straits Times (Singapore) giảm, các chỉ số khác đều tăng điểm trong đó chỉ số Shanghai Composite của Trung Quốc có mức tăng điểm cao nhất lần (3%).

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

THÁNG 08/2016

HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TRÊN THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP

Kỳ hạn trái phiếu	Số phiên đấu thầu	Giá trị đăng ký	Giá trị trúng thầu	Vùng lãi suất đặt thầu (%/năm)	Vùng lãi suất trúng thầu (%/năm)
5 năm	10	18.500.000.000.000	64.968.000.000.000	17.450.000.000.000	5,65 - 8,25
7 năm	4	10.800.000.000.000	29.063.000.000.000	10.800.000.000.000	6,25 - 7,40
10 năm	4	800.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	7,50 - 7,50
15 năm	6	4.450.000.000.000	4.690.307.600.000	2.927.200.000.000	7,63 - 9,00
20 năm	1	1.000.000.000.000	1.000.000.000	0	9,10 - 9,10
30 năm	2	2.000.000.000.000	1.839.500.000.000	1.579.000.000.000	7,99 - 9,50
Tổng	27	37.550.000.000.000	100.601.807.600.000	32.796.200.000.000	

Nguồn: HNX

HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TRÊN THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP

Kỳ hạn trái phiếu	Số phiên đấu thầu	Giá trị đăng ký	Giá trị trúng thầu	Vùng lãi suất đặt thầu (%/năm)	Vùng lãi suất trúng thầu (%/năm)
5 năm	10	18.500.000.000.000	64.968.000.000.000	17.450.000.000.000	5,65 - 8,25
7 năm	4	10.800.000.000.000	29.063.000.000.000	10.800.000.000.000	6,25 - 7,40
10 năm	4	800.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	7,50 - 7,50
15 năm	6	4.450.000.000.000	4.690.307.600.000	2.927.200.000.000	7,63 - 9,00
20 năm	1	1.000.000.000.000	1.000.000.000	0	9,10 - 9,10
30 năm	2	2.000.000.000.000	1.839.500.000.000	1.579.000.000.000	7,99 - 9,50
Tổng	27	37.550.000.000.000	100.601.807.600.000	32.796.200.000.000	

Nguồn: HNX



GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TRÊN THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP

STT	Kỳ hạn còn lại	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch	Vùng lợi suất
1	6 tháng	8.300.000	890.502.900.000	3,90 - YTM - 5,33
2	9 tháng	23.052.000	2.417.650.576.000	3,85 - YTM - 5,40
3	12 tháng	28.490.000	3.018.736.610.000	3,95 - YTM - 5,80
4	2 năm	107.120.000	11.341.665.840.000	4,25 - YTM - 6,03
5	3 năm	171.433.529	17.961.736.471.052	5,02 - YTM - 7,20
6	3 - 5 năm	185.223.252	19.969.325.164.336	5,06 - YTM - 7,91
7	5 năm	175.740.000	18.058.649.950.000	5,69 - YTM - 7,21
8	5 - 7 năm	4.200.000	473.726.700.000	6,30 - YTM - 7,69
9	7 năm	22.720.000	2.316.707.800.000	6,30 - YTM - 8,11
10	7 - 10 năm	54.870.000	6.107.376.110.000	6,23 - YTM - 7,15
Tổng		861.898.781	90.800.242.791.388	

YTM: Lãi suất đáo hạn

Nguồn: HNX

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

LÃI SUẤT BÌNH QUÂN LIÊN NGÂN HÀNG THÁNG 8/2016 (% NĂM)

Thời hạn	Tuần từ 1/8 - 5/8	Tuần từ 8/8 - 12/8	Tuần từ 15/8 - 19/8	Tuần từ 22/8 - 26/8	Tuần từ 29/8 - 31/8
Qua đêm	1,49 - 1,15	1,14 - 1,02	1,00 - 0,72	0,73 - 0,48	0,54 - 0,43
1 tuần	1,51 - 1,26	1,22 - 1,16	1,14 - 0,78	0,74 - 0,53	0,57 - 0,62
2 tuần	1,81 - 1,49	1,47 - 1,40	1,35 - 1,10	1,07 - 0,67	0,68 - 0,66
1 tháng	2,32 - 2,20	2,09 - 2,17	2,14 - 1,96	1,89 - 1,56	1,73 - 1,58
3 tháng	4,66 - 3,94	3,81 - 3,88	3,94 - 4,37	3,84 - 4,23	3,62 - 3,72
6 tháng	5,00 - 5,17	5,20 - 4,93	4,04	5,19 - 3,80	5,90 - 4,52
9 tháng	-	-	6,00	-	-
Doanh số giao dịch (tỷ đồng)	50.275	90.393	90.930	90.870	42135

Nguồn: NHNN

Trong tháng 8/2016, tỷ giá VND/USD diễn biến tương đối ổn định. Cụ thể, tỷ giá trung tâm của VND so với USD do Ngân hàng Nhà nước công bố ngày 31/8 là 22.265 VND/USD. Với biên độ +/-3%, tỷ giá trần mà các ngân hàng áp dụng tại ngày 31/8 là 22.578 VND/USD và tỷ giá sàn là 21.264 VND/USD. Chỉ số giá USD tháng 8/2016 giảm 0,05% so với tháng trước.

DIỄN BIẾN THAY ĐỔI TỶ GIÁ VND/USD THÁNG 8/2016

	Tuần từ 1/8 - 5/8	Tuần từ 8/8 - 12/8	Tuần từ 15/8 - 19/8	Tuần từ 22/8 - 26/8	Tuần từ 29/8 - 31/8
Giá mua vào	22.260 - 22.260	22.260 - 22.260	22.260 - 22.260	22.260 - 22.265	22.270 - 22.265
Giá bán ra	22.330 - 22.330	22.330 - 22.330	22.330 - 22.330	22.330 - 22.335	22.340 - 22.335

Nguồn: Vietcombank.com

Chỉ số USD - Index trong tháng 8 diễn biến trái chiều do chịu tác động từ nền kinh tế Mỹ. Chỉ số đạt mức cao nhất tại 96,38 (ngày 8/8) và thấp nhất tại 94,15 (ngày 18/8). Trong tháng 8, đồng EUR giảm nhẹ 0,02% so với đồng USD. Diễn biến cặp tỷ giá EUR/USD: 1 EUR đổi được 1,1168 USD (ngày 1/8), 1,1116 USD (ngày 10/8), 1,1298 USD (ngày 22/8), 1,1153 USD (ngày 31/8).

CHỈ SỐ USD THÁNG 8/2016

	Tuần từ 1/8 – 5/8	Tuần từ 8/8 – 12/8	Tuần từ 15/8 – 19/8	Tuần từ 22/8 – 26/8	Tuần từ 29/8 – 31/8
USD - index (điểm)	95,78 – 95,79	96,38 – 95,91	95,60 – 94,15	94,53 – 94,72	95,57 – 95,99

Nguồn: www.marketwatch.com

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA – DỊCH VỤ

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

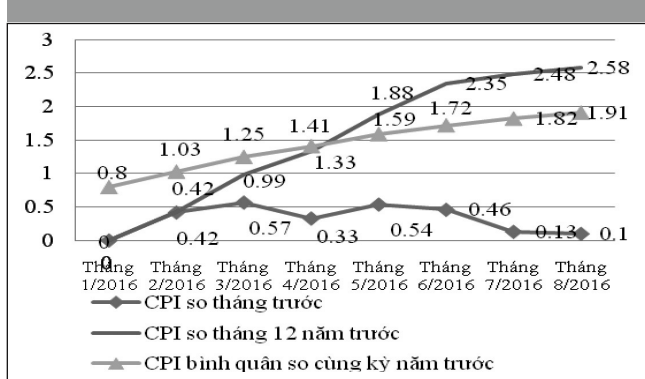
	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Xuất siêu
Tháng 8/2016	15,20 tỷ USD	15 tỷ USD	
Tăng/giảm so với tháng trước	+ 2%	+ 4,6%	
8 tháng đầu năm 2016	112,19 tỷ USD	109,74 tỷ USD	2,45 tỷ USD
Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2015	+ 5,5%	- 0,3%	

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 8/2016

Tháng 8/2016, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) chỉ tăng 0,1% so với tháng 7/2016 (Hình 1). Mức tăng CPI tháng 8/2016 thấp hơn đáng kể so với mức tăng CPI các tháng đầu năm 2016 (trừ tháng 1/2016 có CPI ổn định, tháng 2/2016 tăng 0,42%, tháng 3/2016 tăng 0,57%, tháng 4/2016 tăng 0,33%, tháng 5/2016 tăng 0,54%, tháng 6/2016 tăng 0,46%, tháng 7/2016 tăng 0,13%). CPI tháng 8/2016 tăng 2,57% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,58% so với tháng 12 năm trước; CPI bình quân 8 tháng đầu năm 2016 tăng 1,91% so với cùng kỳ năm trước.

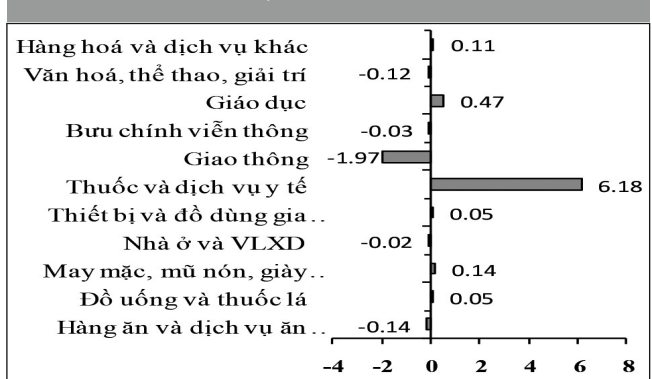
Theo cơ cấu nhóm hàng (Hình 2), CPI tháng 8/2016 tăng ở 6 nhóm hàng với mức tăng như sau: Thuốc và dịch vụ y tế tăng 6,18%; Giáo dục tăng 0,47%; May mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,14%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,11%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,05%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,05%. Có 5 nhóm hàng CPI giảm gồm: Giao thông giảm 1,97%; Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,14%; Văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,12%; Bưu chính viễn thông giảm 0,03% và Nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,02%.

HÌNH 1: DIỄN BIẾN CPI 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2016



Nguồn: Tổng cục Thống kê

HÌNH 2: CPI THÁNG 8/2016 THEO CƠ CẤU NHÓM HÀNG



Nguồn: Tổng cục Thống kê



MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2016 (TĂNG/GIẢM) SO VỚI NĂM 2015 (%)

Chỉ số sản xuất công nghiệp	+ 6,9
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	+ 9,3
Khách quốc tế đến Việt Nam	+ 25,4
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước	+ 12,9
Chỉ số giá tiêu dùng 8 tháng đầu năm 2016 so với cùng kỳ năm 2015	+ 1,91
Lạm phát cơ bản 8 tháng đầu năm 2016 so với cùng kỳ năm 2015	+ 1,81

Nguồn: Tổng cục Thống kê

DIỄN BIẾN GIÁ CẢ MỘT SỐ MẶT HÀNG CHÍNH THÁNG 8/2016

1. Lúa gạo

- Tại miền Bắc: Giá thóc, gạo tẻ thường tháng 8/2016 diễn biến ổn định so với tháng 7/2016. Giá thóc tẻ thường dao động phổ biến ở mức 6.500-7.500 đồng/kg; giá một số loại thóc chất lượng cao hơn phổ biến ở mức 8.000-9.500 đồng/kg; giá gạo tẻ thường dao động phổ biến ở mức 8.500-14.000 đồng/kg.

- Tại miền Nam: Giá thóc khô tại kho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long loại thường dao động từ 4.700-4.950 đồng/kg, giảm 50 đồng/kg. Giá gạo thành phẩm 5% tấm không bao bì giao tại mạn tàu dao động từ 7.350-7.500 đồng/kg, giảm 50 đồng/kg; gạo 25% tấm khoảng 7.100-7.300 đồng/kg, giảm 100 đồng/kg.

2. Thịt phẩm tươi sống

- Tại miền Bắc: Tháng 8/2016, thịt lợn hơi giá phổ biến khoảng 46.000-50.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg; thịt mông sẵn giá phổ biến khoảng 90.000-95.000 đồng/kg; thịt bò thăn giá phổ biến khoảng 260.000-275.000 đồng/kg; thịt gà ta làm sẵn có kiểm dịch giá phổ biến ở mức 115.000-125.000 đồng/kg; thịt gà công nghiệp làm sẵn ở mức 57.000-60.000 đồng/kg.

- Tại Miền Nam: Tháng 8/2016, thị lợn hơi giá phổ biến khoảng 43.000 - 47.000 ổn định; thịt lợn mông sẵn giá phổ biến khoảng 85.000-90.000 đồng/kg. Thịt bò thăn giá phổ biến khoảng 260.000-275.000 đồng/kg. Thịt gà ta làm sẵn có kiểm dịch giá phổ biến ở mức 115.000-125.000 đồng/kg; thịt gà công nghiệp làm sẵn ở mức 57.000-60.000 đồng/kg.

3. Giá sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi

Giá sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi tháng 8/2016 ổn định so với tháng 7/2016. Tính từ 01/6/2014 đến 29/8/2016, đã có 877 sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi được công bố giá tối đa, giá đăng ký,

giá kê khai trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Sở Tài chính các địa phương.

4. Phân bón urê

Trong tháng 8/2016, giá bán lẻ phân bón tại các địa phương phổ biến ở mức: Urê: 6.800 - 7.000 đồng/kg; kali: 7.500 - 8.500 đồng/kg; DAP: 11.000 -13.000 đồng/kg; NPK: 10.000 - 11.100 đồng/kg.

5. Thức ăn chăn nuôi

Tháng 8/2016, giá các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có xu hướng ổn định (ngô, methionine, lysine) hoặc giảm nhẹ (cám gạo, khô dầu đậu tương), mức giảm từ 3,2 - 8,9%, riêng sắn lát tăng giá 6,7%. Giá thức ăn hỗn hợp cho gà thịt, thức ăn hỗn hợp lợn thịt tháng 8/2016 giảm nhẹ so với tháng 7/2016. Giá thức ăn hỗn hợp cho gà thịt khoảng 9.500 - 9.600 đồng/kg, giảm 50 đồng/kg; giá thức ăn hỗn hợp lợn thịt khoảng 8.300 - 8.400 đồng/kg, giảm 350 đồng/kg.

6. Nguyên vật liệu xây dựng

- Giá bán lẻ xi măng trong tháng 8/2016 cơ bản ổn định so với tháng 7/2016; tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung phổ biến từ 1.050.000-1.550.000 đồng/tấn; tại các tỉnh miền Nam phổ biến từ 1.460.000-1.850.000 đồng/tấn.

- Giá bán lẻ thép xây dựng tháng 8/2016 cơ bản ổn định so với cuối tháng 7/2016. Cụ thể: tại các tỉnh miền Bắc và miền Trung dao động phổ biến ở mức 11.900 - 14.150 đồng/kg; tại các tỉnh miền Nam dao động phổ biến ở mức 11.900-14.250 đồng/kg.

7. Khí hóa lỏng - LPG

Giá bán lẻ khí hóa lỏng - LPG trong tháng 8/2016 tại TP. Hồ Chí Minh (Giá bán lẻ đến tay người tiêu dùng) khoảng 253.500 - 254.500 đồng/bình12kg, giảm khoảng 4.500 đồng/bình 12kg; tại Hà Nội (Giá bán lẻ đến tay người tiêu dùng) khoảng 272.000 đồng/bình12 kg (giảm 5.000 đồng/bình 12kg).

THỊ TRƯỜNG XĂNG, DẦU

THỊ TRƯỜNG XĂNG, DẦU TRONG NƯỚC

Căn cứ biến động giá xăng dầu thế giới, trong tháng 8/2016, giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh 2 lần, cụ thể:

- Ngày 04/8/2016: Bộ Công Thương có Công văn số 7204/BCT-TTTN về điều hành kinh doanh xăng dầu, theo đó: Giá bán xăng RON 95, xăng RON 92 (giảm 610 đồng/lít), xăng E5 (giảm 590 đồng/lít), dầu điêzen (giảm 630 đồng/lít), dầu hỏa (giảm 370 đồng/lít), dầu madut (giảm 380 đồng/kg).

- Ngày 19/8/2016: Bộ Công Thương có Công văn số 7716/BCT-TTTN về điều hành kinh doanh xăng dầu, theo đó: Giá bán xăng RON 95, xăng RON 92 (tăng 680 đồng/lít), xăng E5 (tăng 970 đồng/lít), dầu điêzen (tăng 250 đồng/lít), dầu hỏa (tăng 200 đồng/lít), dầu madut (tăng 210 đồng/kg).

Giá bán lẻ, mức trích, mức sử dụng Quỹ BOG, thuế suất thuế nhập khẩu bình quân gia quyền các chủng loại xăng, dầu trong giá cơ sở (từ sau thời điểm 15 giờ 30 ngày 19/8/2016) cụ thể như sau:

CÁC CHỦNG LOẠI XĂNG DẦU	GIÁ BÁN TRONG NƯỚC HIỆN HÀNH (đồng/lít, kg)	QUỸ BOG (đồng/lít,kg)		THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU (%)
		Trích	Sử dụng	
Xăng RON 95	16.070	300	0	15,74
Xăng RON 92	15.370	300	0	15,74
Xăng E5	15.220	0	0	15,74
Dầu điêzen 0,055	11.910	300	0	1,84
Dầu hỏa	10.490	300	0	0
Dầu madut 3,55	8.830	300	0	0

Nguồn: Cục Quản lý Giá

THỊ TRƯỜNG XĂNG, DẦU THẾ GIỚI THÁNG 8/2016

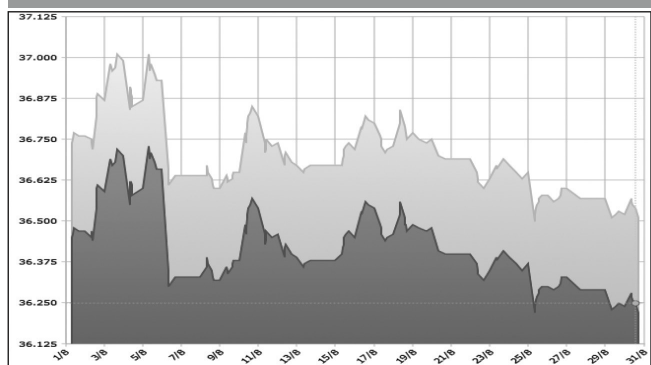
	8/8	16/8	22/8	30/8
Giá dầu thô ngọt, nhẹ New York (USD/thùng)	41,80	45,74	48,52	46,98
Giá dầu sưởi (USD/gallon)	1,31	1,44	1,51	1,48
Giá xăng (USD/gallon)	1,37	1,40	1,51	1,46
Giá khí tự nhiên (USD/triệu BTU)	2,77	2,60	2,58	2,85

Nguồn: TCTC tổng hợp

THỊ TRƯỜNG VÀNG

Trong tháng 8, giá vàng trong nước diễn biến với xu hướng chính là giảm giá. Cụ thể, giá vàng SJC tăng mạnh nhất lên 36,73 – 37,01 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) ngày 5/8 và thấp nhất tại 36,22 – 36,50 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) ngày 25/8. Chỉ số giá vàng tháng 8/2016 tăng 1,72% so với tháng trước. Chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới tại thời điểm cuối tháng 8 là khoảng 1,1 triệu đồng/lượng.

DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG TRONG NƯỚC (TRIỆU ĐỒNG/LƯỢNG)
(TỪ NGÀY 1/8/2016 ĐẾN NGÀY 31/8/2016)



Nguồn: sjc.com.vn


**DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG THẾ GIỚI (USD/OUNCE)
(TỪ NGÀY 1/8/2016 ĐẾN NGÀY 31/8/2016)**


Nguồn: kitco.com

Thị trường vàng thế giới trong tháng 8 năm 2016 diễn biến với xu hướng chính là giảm, đặc biệt giảm mạnh giai đoạn cuối tháng. Trong tháng, giá vàng (giao ngay tại thị trường NewYork) lên cao nhất tại mức 1.362,8 USD/ounce (ngày 2/8) và thấp nhất là 1.310,5 USD/ounce (ngày 30/8). Tính chung cả tháng, giá vàng thế giới đã giảm 2,86%.

ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP THÁNG 8/2016

Đơn vị tính	Thành lập mới			Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể	Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn	Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động
	Số DN thành lập mới	Số vốn đăng ký	Số lao động đăng ký				
	DN	tỷ đồng	lao động				
	9.282	70.968	112.853	1.057	1.531	3.561	2.005

SỐ LIỆU LŨY KẾ NĂM 2016

Đơn vị tính	Thành lập mới			Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể	Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn	Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể	Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động
	Số DN thành lập mới	Số vốn đăng ký	Số lao động đăng ký				
	DN	tỷ đồng	lao động				
	73.404	567.926	857.199	7.479	14.924	25.495	18.711

Nguồn: Cục Phát triển doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

TÌNH HÌNH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI THÁNG 8/2016

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tháng 8 năm 2016	Dữ liệu lũy kế	
				8 tháng năm 2016	So cùng kỳ
1	Vốn thực hiện	triệu USD	1.250	9.800	108,90%
2	Vốn đăng ký	triệu USD	1.426,25	14.366,67	107,70%
2.1	Đăng ký cấp mới	triệu USD	1.100,39	9.795,59	124,30%
2.2	Đăng ký tăng thêm	triệu USD	325,86	4.571,08	83,70%
3	Số dự án				
3.1	Số dự án cấp mới	dự án	211	1.619	132,80%
3.2	Số dự án tăng vốn	lượt dự án	110	770	197,90%
4	Xuất khẩu				
4.1	Xuất khẩu (kể cả dầu thô)	triệu USD	10.670	79.572	106,10%
4.2	Xuất khẩu (không kể dầu thô)	triệu USD	10.555	78.099	108,10%
5	Nhập khẩu	triệu USD	8.989	64.386	99,20%

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)